

Bản án số: 05/2022/DS – ST
Ngày: 26/5/2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản
và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cơ
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Lê và bà Phan Thị Thúy Hằng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Rum Ba
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Phan Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST – DS ngày 14/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐST – DS ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, Ba Đình, thành phố Hà Nội

Do ông Nguyễn Quốc Đ – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh PH, Phú Yên đại diện theo ủy quyền tại văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-HNNo-PC ngày 27/12/2019. Ông Nguyễn Quốc Đ ủy quyền lại cho ông Huỳnh Hoàng V – Phó Trưởng phòng phụ trách phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện PH theo Giấy ủy quyền số 303/NHNo.PH ngày 25/5/2022.

Ông V có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1939,
- Bà Phan Thị K, sinh năm 1970,
- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993,
- Anh Bùi Thanh V, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn ĐB, xã HQN, huyện PH, Phú Yên

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2020 và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 09/11/2016, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN và vợ chồng ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ký Hợp đồng vay vốn số 4608LDS 201904395 có nội dung: Vợ chồng ông Q, bà K vay Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng để chăn nuôi bò, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn 15%/năm, thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày 09/11/2016. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011. Trong quá trình vay từ ngày 20/12/2016 đến ngày 28/11/2018 ông Q, bà K đã trả được 41.612.912 đồng tiền lãi. Ngày 10/11/2018, ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với khoản vay của ông Q, bà K và tính lãi quá hạn là 15%/năm. Từ ngày 09/12/2018 ông Q chết đến nay bà K không trả thêm được khoản tiền nào. Xét hoàn cảnh của khách hàng và Ngân hàng đã áp dụng các quy định của ngành nên ngày 29/11/2021, bà K trả 200.000.000 đồng thì ngân hàng đã trừ vào nợ gốc là 199.000.000 đồng và trả lãi 1.000.000 đồng, đồng thời áp dụng lãi suất 4.86%/năm đối với khoản vay của ông Q, bà K từ ngày 30/11/2021 cho đến nay. Tính đến ngày 25/5/2022 ông Q, bà K còn nợ Ngân hàng 91.625.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000 đồng và lãi 90.625.000 đồng (trong đó lãi trong hạn 63.931.000 đồng và lãi quá hạn là 26.694.000 đồng).

Nay thời hạn trả nợ đã hết, ông Bùi Đức Q đã chết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà K và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm bà X, bà K, chị H và anh V nhưng bà K và những người này chưa trả đủ. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà K và những người thuộc nhà thừa kế thứ nhất của ông Q gồm bà X, bà K, chị H và anh V phải trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi tính đến ngày 25/5/2022 là 91.625.000.000 đồng, trong đó gốc 1.000.000 đồng, lãi 90.625.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 26/5/2022 theo Hợp đồng vay vốn số 4608LDS 201904395 ngày 09/11/2016. Trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011 và tài sản trên đất là nhà cấp 4 của ông Q, bà K để thu hồi nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 22/12/2020, Công an xã HQN cung cấp: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm có: Mẹ Nguyễn Thị X, vợ Phan Thị K, các con Bùi Thị H, Bùi Thanh V.

Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà X già yếu, bị gãy chân nên đề nghị Toà xét xử vắng mặt; bà K, chị H, anh V vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 08/12/2020 của Toà án nhân dân huyện PH, bị đơn Bà Phan Thị K trình bày: Vợ chồng có vay ngân hàng 200.000.000 để chăn nuôi. Từ khi ông Q chết đến nay, kinh tế gia đình khó khăn, bà không trả được nợ nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bà nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu mẹ và các con của ông Q trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Bà Nguyễn Thị X, Bà Phan Thị K, Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Thanh V đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà Phan Thị K và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm Bà Nguyễn Thị X, Bà Phan Thị K, Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Thanh V phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN tổng số tiền 91.625.000đồng, (trong đó 1.000.000đồng tiền gốc và 90.625.000đồng tiền lãi) và lãi phát sinh từ ngày 26/5/2022 theo Hợp đồng vay vốn 4608LDS 201904395 ngày 09/11/2016. Trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 01/11/2016 và tài sản trên đất là nhà cấp 4 của ông Q bà K để thu hồi nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà K và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm Bà Nguyễn Thị X, Bà Phan Thị K, Chị Bùi Thị H và anh Bùi Thành V phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN tổng số tiền 91.625.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng vay vốn 4608LDS 201904395 ngày 09/11/2016. Trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 01/11/2016 và tài sản trên đất là nhà cấp 4 của ông Q bà K để thu hồi nợ. Về chi phí tố tụng và án phí bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bà Phan Thị K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị X, Bà Phan Thị K, Chị Bùi Thị H, Anh Bùi Thanh V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng khởi kiện đề nghị Toa án nhân dân huyện PH giải quyết buộc gia đình Bà Phan Thị K thực hiện nghĩa vụ trả nợ có hộ khẩu thường trú tại Thôn ĐB, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình Bà Phan Thị K thực hiện nghĩa vụ trả nợ, khi thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng vay vốn 4608LDS 201904395 ngày 09/11/2016 và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Ngày 09/11/2016, vợ chồng ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN 200.000.000 đồng để chăn nuôi bò, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn 15%/năm, thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày 09/11/2016. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011.

[2.2] Từ ngày 20/12/2016 đến ngày 28/11/2018, ông Q, bà K đã trả được 41.612.912 đồng tiền lãi, từ ngày 09/12/2018 ông Q chết nên các kỳ hạn trả lãi cũng như nợ gốc từ tháng 12/2018 bà K không thực hiện. Ngày 29/11/2021 bà K trả 200.000.000 đồng, xét hoàn cảnh của ông Q, bà K nên Ngân hàng đã áp dụng các chính sách theo quy định nên đã trừ vào nợ gốc là 199.000.000 đồng và trả lãi 1.000.000 đồng, đồng thời áp dụng lãi suất 4.86%/năm đối với khoản vay của ông Q, bà K từ ngày 30/11/2021 cho đến nay. Tính đến ngày 25/5/2022 ông Q, bà K còn nợ Ngân hàng 91.625.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000 đồng và lãi 90.625.000 đồng (trong đó lãi trong hạn 63.931.000 đồng và lãi quá hạn là 26.694.000 đồng), thời hạn trả nợ đã hết nhưng bà K không trả thêm được khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Theo Hợp đồng vay vốn, thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày 09/11/2016 nên từ ngày 10/11/2018, ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với khoản vay của ông Q, bà K và tính lãi quá hạn 15%/năm theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng và từ ngày 30/11/2021 cho đến nay áp dụng lãi suất 4.86%/năm đối với khoản vay của ông Q, bà K là có cơ sở.

[2.4] Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 01/11/2016, ông Q, bà K đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C, diện tích 177m², loại đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011 để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Q, bà K tại hợp đồng vay vốn. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/02/2021 thể hiện trên diện tích đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C, diện tích 177m², mục đích sử dụng: loại đất ở nông thôn đã thế chấp cho Ngân hàng có 01 ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K nên yêu cầu của nguyên đơn về trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011 và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 của ông Q bà K để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Ngày 09/12/2018, ông Bùi Đức Q chết, tại biên bản xác minh ngày 22/12/2020 do Công an xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên cung cấp: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Đức Q gồm có: Mẹ Nguyễn Thị X, vợ Phan Thị K, các con Bùi Thị H, Bùi Thanh V nên những người này phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trọng phạm vi di sản của ông Bùi Đức Q chết để lại theo Điều 615 Bộ luật dân sự.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng tại biên bản giao nhận ngày 25/01/2021 nên Bà Phan Thị K, Bà Nguyễn Thị X, Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Thanh V phải trả lại cho Ngân hàng 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 615 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Bà Phan Thị K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị X, Bà Phan Thị K, Chị Bùi Thị H, Anh Bùi Thanh V phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN số tiền: 91.625.000 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó 1.000.000 đồng tiền gốc và 90.625.000 đồng tiền lãi và lãi phát sinh từ ngày 26/5/2022 theo Hợp đồng vay vốn số 4608LDS 201904395 ngày 09/11/2016.

Trường hợp Bà Phan Thị K, Bà Nguyễn Thị X, Chị Bùi Thị H, Anh Bùi Thanh V không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 872, tờ bản đồ 300-C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 519046, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00297 do Ủy ban nhân dân huyện PH cấp cho ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K ngày 30/11/2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 01/11/2016 và tài sản trên đất là nhà cấp 4 của ông Bùi Đức Q và Bà Phan Thị K để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phan Thị K, Bà Nguyễn Thị X, Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Thanh V phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng tại biên bản giao nhận ngày 25/01/2021 nên Bà Phan Thị K, Bà Nguyễn Thị X, Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Thanh V phải trả lại cho Ngân hàng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí:

+ Bà Phan Thị K, Bà Nguyễn Thị X, Chị Bùi Thị H, Anh Bùi Thanh V phải chịu 4.581.000 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN 6.417.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002885 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h. PH;
- Chi cục THADS h. PH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ

